

Đạo Cao Đài Và Ngày Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn

QS Nguyễn Thanh Bình

I. Lời Giới Thiệu

Hàng năm, sau ngày Tết Nguyên Đán, hàng trăm ngàn tín đồ Đạo Cao Đài khắp mọi nơi ở Việt Nam và hải ngoại, đổ dồn về Tòa Thánh Tây Ninh để tham dự ngày Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn ngày mùng 9 tháng Giêng. Đây là ngày Đại Lễ lớn nhất và quan trọng nhất trong Đạo Cao Đài, nói riêng, cũng như ở Việt Nam.



Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn Tòa Thánh Tây Ninh Năm 2018

Bài “Đạo Cao Đài Và Ngày Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn” viết để vinh danh mừng ngày Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn vào mùa Xuân năm Tân Sửu (2021), kỷ niệm 96 năm Đức Chí Tôn giáng trần dùng huyền diệu cơ bút dạy Đạo và 95 năm khai mở Tam Kỳ Phổ Độ.

Bài viết sưu tầm này chỉ trình bày tóm tắt về các tiểu mục sau đây (chi tiết xin đọc các tài liệu và bài viết ghi trong phần tham khảo):

I. Tại sao Đạo Cao Đài được khai mở ở phương Đông - Đạo Xuất Ư Đông?

II. Tiên Tri cho biết Đạo Cao Đài xuất hiện?

III. Lịch Sử Đạo Cao Đài từ ngày Đức Chí Tôn đến dạy Đạo đến lúc ban hành Tân Luật (4-2 Đinh Mão - dl: 07-3-1927).

IV. Lễ Tế Trời và Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn ngày mùng 9 tháng Giêng?

I. Tại sao Đạo Cao Đài khai mở ở phương Đông - Đạo Xuất U' Đông?

Đạo phát xuất ở phương Đông như mặt trời mọc ở phương Đông. Đạo là nguồn sống của vạn vật, vạn loại, cũng tối cần như ánh sáng của mặt trời chiếu xuống trái đất này vậy. Sáng, mặt trời khởi mọc ở phương Đông lặn ở phương Tây. Rồi sáng hôm sau cũng tiếp tục trong cái chu kỳ đó.

Đạo là cơ mầu nhiệm, mà cơ mầu nhiệm ấy phải ra thế nào có thể hình như một con đường dẫn người ra khỏi chốn trầm luân khổ hải, lại đặng phước siêu phàm nhập Thánh.

Có nhiều giáo Hội đã lập thành có trót trăm năm trước khi mở Đạo đặng dạy lần cho Vạn quốc rõ thấu chánh truyền. Ngày nay, Thầy mới đến lập một cái Cao Đài nghĩa là Đền thờ cao hay là Đức tin lớn tại thế này (La Haute Eglise ou la plus grande foi du monde) làm nên nền Đạo; lại mượn một sắc dân hèn hạ nhỏ nhất của hướng Á Đông là An Nam ta, đặng cho trọn lời tiên tri “Đạo xuất u' Đông” và cho trùng Thánh ý chịu lụy hạ mình của Thầy, lập thành Hội Thánh làm hình thể Thiêng Liêng của Thầy, hầu cảm cho đặng dùi trống Lôi Âm giục giọng truy hồn, nắm cho chặt chày chuông Bạch Ngọc đặng trời hoi định tánh làm cho cả con cái của Thầy thức tỉnh nhìn Thầy mà trở về quê cũ”.

Theo nguyên lý của Trời Đất thì Đạo luôn luôn phát khởi từ phương Đông. Trời do Đạo mà sanh, Đất do Đạo mà thành. Trời Đất, Người tuy khác biệt nhưng đối với Đạo thì chung Một mà thôi". Thật vậy, “Thiên Nhơn Hiệp Nhứt” hoặc "Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể" đối với phương Đông được coi như chân lý tất yếu.

“Từ cổ chí kim, tạo thiên lập địa, Đạo đều phát khởi từ phương Đông, là các nước ở miền Á Đông như các nền chơn giáo trước kia: Nho, Đạo, Thích cũng đều phát khởi nơi miền Á Đông rồi lần lần truyền bá qua phương Tây như:

- Đạo Phật thì khai tại Thiên Trúc là Đức Nhiên Đăng Cổ Phật và Đức Thích Ca Mâu Ni khai Phật giáo.

- Đại Đạo là Đạo Tiên thì Lão Tử khai tại Trung Hoa.

- Sau nữa Khổng Tử khai Đạo Thánh cũng tại Trung Hoa là ở miền Á-đông.

- Sau lần lần Đạo trải khắp qua hướng Tây, nên Đức Chúa Jêsus truyền Đạo Thánh tại hướng Tây (miền Đông của Âu-châu). Kế đó Đạo mới roi truyền ra khắp năm châu.

Ngày nay là “Châu nhi Phục thi”, nên Đại Đạo phát ra tại Á Đông này. Bởi có ấy nên trong bài Khai Kinh của Đức Lữ Tổ cho hai câu đầu như vậy:

"Biển trần khổ voi voi trời nước,
Ánh thái dương rọi trước phương Đông..."

Mặt trời mọc hướng Đông rồi lần lần lặn thì qua hướng Tây, Đạo truyền ra cũng như thế.

Câu “Ánh thái dương rọi trước phương Đông”. Ánh thái dương là Đạo đó vậy. Nay đã đến hạ nguơn mặt kiếp, cuối cùng nên Đức Chí Tôn mới chuyển Đạo nơi vùng Á Đông, đây là nơi nguồn Đạo phát ra, lại khai nơi Nam Kỳ (một trong ba kỳ nơi cõi Á Đông). Vì cõi Đông Dương đây cũng về miền Đông của Á Châu nên ngày nay Đạo phải khởi khai nơi hướng Đông trước rồi mới truyền lần ra hướng Tây.

Như Đức Chúa Jêsus khai Đạo bên Âu Châu, thì cũng khởi khai nơi miền Đông của Âu Châu, rồi mới loan truyền khắp cả Âu Châu, ấy là luật tự nhiên từ cổ chí kim, hễ Đạo phát khai thì cứ bắt đầu từ phương Đông truyền ra.

Ngày nay là giáp một vòng nên khởi lại điểm ban đầu gọi là “Thiên địa Tuần hoàn, Châu nhi Phục thủy, Đạo xuất ư Đông” là vậy. Do đó nên Đại Đạo phải khai tại Á Đông này, nên Thầy mới mở Đạo nơi Đông Dương là cực Đông của Á Châu mà lại khai nơi xứ Nam Kỳ là xứ thuộc địa, dân tộc yếu hèn, kém cõi, ấy là do nơi Thiên Cơ tiền định cả muôn năm, lại là thường cái lòng tín ngưỡng của người Nam từ xưa.

Do vậy mà trước đây Phật là trước: khởi khai ở Ấn Độ, kế đến Trung Hoa có Khổng, Mạnh, Lão, Trang. Tinh thần triết lý của các Tôn giáo này đã làm chủ thế giới trên mấy ngàn năm. Nay đã giáp vòng của trời đất. Đức Chí Tôn mới khởi khai mới Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại Châu Á. Châu Á sắc da vàng thuộc Thổ. Thổ ở trung ương, ứng với Ngũ hành, cho nên vòng xây chuyển từ Á sang Âu, nay lại quay về Châu Á nữa đó là Thiên địa Tuần hoàn, Châu nhi Phục thủy, Đạo xuất ư Đông là vậy.

Tuy khai Đạo tại nước Nam mà cũng khởi từ Đông, do cái lý từ Bàn cổ sơ khai: “Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần”. Do vậy mà Đạo khởi khai tại Tây Ninh lần lần truyền ra Gia Định, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Chợ Lớn là mấy hạt ở hướng Đông. Qua năm thứ nhì, thứ ba Đạo mới truyền ra mấy hạt hướng Tây”. Đó là qui luật của đất trời nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Đức Chí Tôn Khai Đạo tại Tây Ninh của Nam Việt Nam là một điều Thiên Thơ đã định vậy.

Lý Đạo được biểu tượng qua hình ảnh của “Long Mã Phụ Hà Đồ” đặt trên nóc của Nghinh Phong Đài tức là trong phạm vi của Cửu Trùng Đài. Con vật linh này có mình ngựa mà đầu rồng, nên được gọi là Long Mã (Long là rồng, Mã là ngựa). Long Mã chạy về hướng Tây quay đầu về hướng Đông vì “Đạo phát ư đông, di ư Tây, phản hồi Đông”. Bởi lẽ đó, phương Tây cho rằng “Ánh sáng từ phương Đông đến” vì Châu Á là nơi phát

xuất nhiều Tôn Giáo như Ấn Độ Giáo, Phật Giáo, Do Thái Giáo, Ky Tô Giáo... Và Đầu thế kỷ này là Đạo Cao Đài. Văn minh nhân loại chuyển theo không gian thời gian từ thời tứ tượng, nghĩa là từ Đông sang Tây. Thế nên, khi Đạo Cao Đài chủ trương "Nam phong thử nhật biến Nhơn phong" không có nghĩa là lợi ngược thời gian sống với cái cổ xưa mà thực sự ước mơ dọn đường cho một cuộc Bình Minh Thánh Đức, theo thời văn minh hiện tại chứ không kiêu thời cổ đại.



Tượng Long Mã Mang Hà Đồ Trên Nghinh Phong Đài Đền Thánh Tây Ninh

Hãy nhìn Long mã có 4 chân nhưng chỉ có 3 chân đặt xuống tượng cho Tam giáo, còn một chân dờ hồng lên ấy là đỉnh cái Tâm cho một tam giác đều này (Dịch Lý Cao Đài). Tâm ấy là Thượng Đế là Đức Chí Tôn đang chế ngự, tức là nền Đại Đạo mà Đức Ngài đến Qui Hiệp trong tình thương yêu tha thiết.

Thầy dạy: “Con nghe: nơi nào Thầy ngự, thì nơi ấy là Thánh Địa. Thầy đã ban sắc cho Thần Hoàng Long Thành, thăng lên chức Văn Xương vào trấn nhậm làng Hiệp Ninh dạy dỗ dân vô Đạo. Thầy ban trọn quyền thưởng phạt đặng răn làng ấy cho đến ngày biết ăn năn cải hóa ...Vậy thì làng Long Thành các con khá an lòng.

“Còn Tòa Thánh thì Thầy muốn cho có Nhơn lực hiệp cùng Thiên ý, ấy là hạnh của Thầy, các con nên xem gương mà bắt chước.

“Từ Thầy đến lập Đạo cho các con đến giờ Thầy chưa hề một mình chuyên quyền bao giờ. Các con lựa chọn nơi nào mà Hội Thánh vừa lòng ắt đẹp lòng Thầy. Các con phải chung hiệp nhau mà lo cho hoàn toàn Tòa Thánh, chi chi cũng tại Tây Ninh đây mà thôi; Các con đã hiểu Thánh Ý Thầy phải cần kiệm, mỗi sự chi vì phương tiện mà thôi.”

Xin trích gởi đến bài Thi của Đức Chí Tôn dạy trong Thi Văn Dạy Đạo:

 Tìm Đạo mà chi khá hỏi mình,
 Bến mê mới vững vớt quần sanh.
 Vun trồng cội phúc ơn chan thấm,
 Dong ruổi đường Tiên nghĩa tạc gìn.
 Tâm chánh nương nhau gìn lối chánh,
 Lòng thành nhờ lẫn lóng hơi thanh.
 Thiên cơ tuy hẩn nêu trường khảo,
 Lướt khỏi, ngàn thu quả đặc thành.

II. Tiên Tri Cho Biết Đạo Cao Đài Xuất Hiện

Mỗi Đạo mà Đức Thượng Đế đã khai không phải là việc thường tình, xuất hiện không ai biết. Mấy ngàn mấy trăm năm về trước, trong các kinh sách, chư Phật, chư Tiên đã cho biết trước việc ấy, hoặc ở bên Thái Tây hoặc ở bên Á Đông.

Trong Càn Khôn Vũ Trụ, theo Pasteur không có định luật ngẫu nhiên, mọi sự việc đều có do lai riêng của nó. Đạo Cao Đài trước khi xuất hiện cũng đã có nhiều kinh sách truyền báo trước. Sau đây là tóm tắt các lời tiên tri được sưu tầm ấy:

1. Lời tiên tri trong quyển Phật Tông Nguyên Lý

Trong quyển kinh này, mấy chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được nêu lên. Chính Đức Thế Tôn Văn Phật đã có nói: sau Ngài sẽ có một vị Phật lớn hơn ra đời. Đức Phật lớn hơn Đức Thích Ca chỉ là Đấng Tạo Hoá là Đức Thái Cực Thánh Hoàng mà thôi.

2. Lời tiên tri trong quyển Thanh Tịnh Kinh

Trong quyển Thanh Tịnh kinh lưu truyền lâu đời trong giới tu hành Lão Giáo có đoạn như vậy: “Thanh Tịnh kinh hữu di tích: Công viên quả mãn chỉ thọ đơn thơ. Thiên mạng phương khả truyền Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”. Thích nôm: Kinh Thanh Tịnh có dấu tích để lại rằng: Công đầy quả đủ sẽ được lĩnh thọ đơn thơ (tức là kinh dạy cách luyện). Người có mạng Trời khá truyền Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

3. Lời tiên tri trong Đạo Tam Thanh

Vào thế kỷ thứ 15 (1400-1499), bên Trung Quốc có một vị đạo sĩ tên Ngô Chi Hạc (Ou Tche Ho) có lập nên phái “Tam Thanh”, thờ Giáo chủ ba (3) Đạo lớn tại Trung Quốc là:

Đức Lão Tử (Đạo giáo)

Đức Khổng Tử (Nho giáo)

Đức Thích Ca (Phật giáo)

Đạo Tam Thanh là bước đầu của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ngày nay vậy.

4. Lời tiên tri trong quyển Vạn Pháp Quy Tông

Lưu truyền trong nhân gian hơn mấy trăm năm nay, quyển Vạn Pháp Quy Tông do các đạo sĩ truyền lại có câu:

Cao Đài tiên bút thi văn tự

Câu này chỉ rõ rằng trong đạo Cao Đài mai sau sẽ có thơ văn của chư Tiên do thần cơ diệu bút tiếp ra đền mở Đạo.

5. Lời tiên tri của cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm

Trong quyển Bạch Vân Am thi tập hay quyển Sấm của cụ Trạng Trình có đoạn như vậy:

Con mừng, búng tí con quay,
Vù vù chong chóng gió lay trên đài
Nhà Cha cửa đóng then cài,
Àm àm sóng dậy, hỏi người Đông lân.

Hai câu đầu ám chỉ chữ "Vạn" trên nóc các Thánh Thất, Tịnh Thất của Đạo Cao Đài năm 1939-1945. Biểu hiệu này trùng với biểu hiệu của đảng Đức Quốc Xã nên người Pháp ra lệnh đóng cửa các Thánh Thất, Tịnh Thất hợp ý với 2 câu sau trong bài thơ trên. Việc này đã xảy ra từ năm 1940-1941 nghĩa là sau khi Nhật sang chiếm Đông Dương. Người Nhật đối với dân Việt Nam ta rõ ràng là láng giềng phía Đông. Rồi sau nhờ Nhật đảo chánh (1945) các Thánh Thất, Tịnh Thất được mở cửa lại, bởi thế mới có câu "âm àm sóng dậy hỏi người Đông lân".

6. Lời tiên tri của các Lão sư Chi Minh Sư hay là Đại Đạo

Bên Trung Quốc sau khi nhà Thanh thay thế nhà Minh, một số cựu thần nhà Minh không phục Mãn Thanh bèn lên núi ẩn tu lập ra chi Minh Sư, Minh Đường còn gọi là Đại Đạo. Một quyển kinh của các Lão sư phái ấy đã được từ bên Trung quốc chuyển sang Việt Nam. Ngoài bì sách ấy có hai câu tiên tri như vậy:

Cao như Bắc khuyết nhân chiêm ngưỡng,
Đài tại Nam phương Đạo thống truyền.

Hai câu đối này cho biết Đạo Cao Đài sẽ xuất hiện tại Nam phương. Đức Cao Đài tức là Đức Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn ngự tại phương Bắc hay Bắc khuyết: "Cao như Bắc khuyết nhân chiêm ngưỡng".

Tiên đây, viết vài hàng về Ngũ Chi Minh Đạo và Đạo Cao Đài về các bài kinh sách:

Khi mới khai Đạo, Đức Chí Tôn giảng dạy Ngũ Chi Minh Đạo (Minh Sư, Minh Lý, Minh Tân, Minh Thiện, Minh Đường) dâng kinh cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Do đó, Hội Thánh cử phái đoàn đại diện gồm 4 vị: Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung, Thượng Giáo Sư Vương Quan Kỳ, Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm đến Tam Tông Miếu (chi Minh Lý) thỉnh 6 bài kinh: Niệm Hương, Khai Kinh, Kinh Sám Hối, Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối, Bài Xung Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần về làm kinh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Câu chuyện được kể lại như sau:

Khi đến nơi trình qua sự việc là Đức Chí Tôn dạy đến đây để thỉnh kinh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Quý vị Hòa Thượng đó lấy làm ngạc nhiên và trả lời rằng:

“Chúng tôi không có kinh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà chỉ có kinh Phật Giáo là Hồng Vân, Ngưu Lang, Phổ Môn....Nếu quý ông muốn thỉnh bao nhiêu chúng tôi cho thỉnh”.

Trong khi hai bên còn đang thảo luận thì có vị đầu bếp nghe được đi lên trình bày như sau:

“Cách đây nhiều năm có một nhà Sư từ bên Trung Quốc đem đến một quyển Kinh và nói rằng: Sư phụ tôi dạy tôi mang quyển kinh này đi về hướng Nam của Trung Quốc, đi hoài chừng nào không đi được nữa thì gửi lại cho ngôi chùa Phật Giáo nơi đó mà dặn rằng: Sau này sẽ có một nền tôn giáo mới mở tại đây thì dâng quyển kinh này cho nền Tân Tôn Giáo đó.

Và ông tường thuật chuyến đi của ông từ Trung Quốc sang Việt Nam: Đến Bắc Việt, Trung Việt mãi đến Nam Việt là Sài Gòn thì không đi được nữa, vì hướng Đông có biển Nam Hải, hướng Nam có mũi Cà Mau, hướng Tây có vịnh Thái Lan, nên ông phải gửi quyển kinh này cho Tam Tông Miếu tại Sài Gòn. Khi nhà sư đó đi rồi quý vị Hòa Thượng mở ra xem thì thấy kinh viết bằng chữ Nho và buộc phải Tứ Thời Nhật Tụng là: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu; mỗi tháng thì cúng Sóc Vọng là Mừng Một (1) và Rằm (15); mỗi năm cúng Tam Nguơn là Rằm tháng Giêng, Rằm tháng 7 và Rằm tháng 10 Đại Đàn. Khi cúng phải có kệ chuông trống, nhạc, lễ và đồng nhi đọc kinh.

Đối với Phật giáo mà buộc phải Tứ Thời Nhật Tụng thì họ không vừa ý, vì Phật giáo chỉ có công phu hai buổi sớm chiều, nên quý vị Hòa Thượng đó đem quyển kinh xuống nhà bếp bảo đốt đi. Nhưng ông đầu bếp nghĩ rằng: Người ta từ bên Trung Quốc lặn lội sang đây gửi cho mình, thà không lãnh thì thôi, còn lãnh mà đem đi đốt, nếu sau này có quả nhiên như vậy thì ăn nói làm sao?”

Nghĩ vậy nên ông liền đem quyển kinh để trên gác của nhà bếp. Sau lần lượt quý vị Hòa Thượng đó viên tịch hết, những vị Hòa Thượng khác lên thay thế nhưng ông đầu bếp đó vẫn còn sống.

Sau khi kể qua câu chuyện, ông đầu bếp liền đem dâng quyển Kinh cho hai vị Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc. Nghe qua câu chuyện huyền diệu ấy, quý vị Hòa Thượng đem dâng luôn những bài kinh: Sám Hối, Vãng Sanh...

Quý Ngài mang Kinh về mở ra xem, trước hết thấy lời tựa của quyển kinh là:

Cao như Bắc Khuyết nhơn chiêm ngưỡng,
Đài tại Nam phương Đạo thống truyền.

7. Lời tiên tri trong Minh Thánh Kinh Linh Sám

Trong quyển Minh Thánh Kinh Linh Sám có câu “Mạng hữu Cao Đài minh nguyệt chiếu” cho biết tá danh của Đức Ngọc Đế giáng trần mở nền Chánh giáo sáng tỏ như trăng rằm.

8. Lời tiên tri trong sách Ấu Học Tầm Nguyên

Trong quyển sách này có câu: “Đầu thượng viết Cao Đài” nghĩa là ở nơi trên đỉnh đầu của mọi người thì gọi là Cao Đài.

9. Lời tiên tri trong quyển Giác Mê Ca

Tác giả là một Đạo gia, có đoạn như vậy:

Hữu duyên mới gặp Tam Kỳ Phổ Độ,
Muôn đời còn Tử phủ nêu danh
Ba ngàn công quả đặng viên thanh
Mới đặng Thiên thơ chiếu diệu.

Đoạn này báo trước rằng chỉ có người hữu duyên mới gặp Tam Kỳ Phổ Độ để trở về quê xưa vị cũ.

10. Lời tiên tri trong quyển Kinh Tinh Thế Ngộ Chơn

Trong quyển kinh này có đoạn như sau:

Đại thiên tiên hoá hoằng chơn đạo,
Trợ quốc cứu dân trích thiện luân.
Nam Hải Từ Hàng châu vận tế,
Tây phương Tiếp Dẫn Phật Đông Lâm.

Nghĩa là, trước khi có cuộc biến đổi lớn (thay Trời Đất) sẽ có một Đạo chơn thật khai ra giúp nước cứu dân làm điều đáng khen. Biển Nam có Phật Từ Hàng đi khắp để cứu độ. Phương Tây có Phật Tiếp Dẫn đưa đến Đông độ, xứ Phật.

Lại có đoạn cho biết trước như vậy:

Mạt hậu kiên khôn đồng nhứt đại,
Thiên môn, vạn giáo, cộng quy căn.

Nghĩa là, sau đời Hạ Nguơn mạt kiếp Trời Đất đồng chung một dãy. Ngàn cửa, mọi tôn giáo đều quy về một gốc. Như vậy Đạo Cao Đài, một tôn giáo tổng hợp phần tinh túy giáo lý của các Đạo khác đã được quyết định từ lâu.

11. Lời tiên tri rút trong quyển Kinh Vạn Diệu Thiên Thơ Cổ Bản

Trong quyển kinh này có bài thơ:

Tam giáo kim tùng cổ hóa sanh
Tiên thiên phương hữu thị Tam Thanh,
Phật, Lão, Nho hề quy nhứt bản,
Tự nhiên tà đạo thống tương tranh,
Vạn ức sơn hà giai hữu thử,
Tổng quy nhứt phái đắc an thành,
Xà vĩ mã đầu khai đại hội,
Tam kỳ hậu thế hiển phương danh.

Nghĩa là, Ba tôn giáo Nho Thích Đạo nay theo xưa mà hóa sanh,

Đạo Tiên Thiên hay đạo Tam Thanh,
Đạo Phật, đạo Tiên, đạo Nho đều về một gốc,
Lẽ tất nhiên tà đạo đều cũng tranh giành,
Khắp nơi đều có như thế
Đồng quy về một phái mới đặng yên ổn và an lành,
Cuối năm Rắn, đầu năm ngựa thì khai đại hội,
Đời sau đạo Tam Kỳ sẽ được rạng rỡ danh thơm.

12. Lời tiên tri rút trong Kinh Nhật Tụng của một phái tu thân tại Trung Việt

Tại Trung Việt, khoảng 20 năm trước ngày khai mở Đạo Cao Đài, có một phái tu theo lối cư sĩ lấy hiệu là phái Minh Sư (khác với phái Minh Sư bên Tàu), nhà cách mạng gốc đạo sĩ Trần Cao Vân (1866-1916) mỗi ngày đã cầu Kinh Minh Sư trong đó có câu :

"Con cầu Phật Tổ Như Lai,

Con cầu cho thầy Cao Đài Tiên Ông"

Đến khi các giáo sĩ đạo Cao Đài ra truyền đạo tại Tam quan (Trung Việt) thì mấy vị này, sau khi nghe danh hiệu Đức Cao Đài, đều đến xin làm đệ tử ngay.

13. Lời tiên tri lưu truyền tại Trung Việt đã lâu đời trước năm 1926, năm khai Đạo

Canh Dần, Mậu Dần niên,
Kỷ Mão, Canh Thìn tiền,
Tự nhiên Thiên phú tánh,
Cao Đài tân chân truyền.

Lời tiên tri này nói rõ năm nào và báo trước rằng Trời sẽ khiến lòng người theo đạo mới và đạo Cao Đài sẽ đạt chân truyền.

14. Lời tiên tri trong hai bài thơ của chơn linh cụ Thủ Khoa Huân năm 1913

Tại quận Cao Lãnh, 13 năm trước ngày khai Đạo, ngày 3 tháng 1 năm 1913, các ông văn nho, kỳ hào họp nhau tại nhà ông Lê Quang Hiến, nhạc phụ của ông Diệp văn Kỳ, để phò cơ thỉnh Tiên. Khi cơ lên, chơn linh cụ Thủ Khoa Huân, một văn sĩ cách mạng bị xử tử hình tại Mỹ Tho, giảng cơ cho hai bài thơ như sau:

Dung tất Cao Đài nhiệm khuất thân,
Tứ triêm đào lý nhứt môn xuân.
Cánh tân bồi ức giang san cựu,
Trừ cựu thời thêm tuế nguyệt tân.
Cửu thập thiêu quang sơ bán lục,
Nhất luân minh nguyệt vị tam phân.
Thừa nhàn hạc giá không trung vụ,
Mục đồ Cao Đài tráng chí thân.

Cũng chính chơn linh cụ Thủ Khoa Huân diễn Nôm:

Cơ dủi Cao Đài khoẻ tấm thân,
Đạo xem đào lý đượm mùa xuân.
Giang sơn chẳng khác ngàn năm cũ,
Ngày tháng chờ thay một chữ tân.
Chín chục thiêu quang vừa nửa sáu,
Một vùng trắng rạng chửa ba phân.
Thừa nhàn cỡi hạc không trung rưỡi,
Chạm mắt Cao Đài khỏe tấm thân.

Trong hai bài thơ trên có nhắc bốn lần từ Cao Đài. Thời buổi ấy các ông không hiểu danh từ này có nghĩa gì. Song các ông biết rằng hai bài thơ này có nói về quốc vận một cách sâu xa.

Hai câu 5 và 6 có ý kỷ niệm ngày 3 tháng 1 năm 1913 vì câu nào cũng ngụ ý số 3. Sau đàn cơ ấy ông Lê Quang Hiến để hai bài thơ này lên trang thờ làm kỷ niệm. Mãi đến năm 1927 Toà Thánh Tây Ninh phái Chức sắc đến quận Cao Lãnh truyền Đạo và hai chữ Cao Đài đã được mọi người nói đến. Chừng ấy ông Lê Quang Hiến mới nhớ lại hai bài thơ của cụ Thủ Khoa Huân đã cho 13 năm trước và đem ra trình với chư Chức sắc nói trên.

15. Jésus Christ đã phán trong Thánh kinh (Thesalonians I5 : 2)

"Trong hai ngàn năm thì có Chúa xuống thế nhưng Ngài đến như kẻ trộm đi đêm, Ngài sẽ huyền diệu hơn ta, nhiều người kính mến hơn ta và không chịu đổ máu như ta, khi Ngài đến có nhiều tiếng còi kêu la inh ỏi trên thình không. Ấy là cơ bút ngày nay đó vậy."

16. Lời tiên tri trong quyển Kinh Vạn Diệu Thiên Thư Cổ Bản

Tam giáo kim tòng cổ hoá sanh
Tiên thiên phương hữu thi Tam Thanh
Phật pháp Nho hề quy nhứt bản
Tự nhiên tả đạo thống trưng tranh
Vạn ức sơn hà giai hữu tử
Tổng quy nhất phái đắc an thành
Xà vĩ, mã đầu khai đại hội
Tam Kỳ hậu thế hiển phương danh.

17. Lời tiên tri của Huê Quang tại Chùa Ngọc Hoàng (ĐaKao) :

Vào đêm 22-7 Quý Hợi (dl: 2-9-1923), Huê Quang Đại Đế giảng đàn tại chùa Ngọc Hoàng ở Đất Hộ cho bài thi quán thủ như vậy:

Huê phát Tam Kỳ Đạo dĩ khai,
Quang minh tứ hướng thượng anh (tam) tài.
Đại phước kêu đau thân đắc ngộ,
Đế Quân giáng hạ, nhữ vô tai.
(Nguyễn Trung Hậu, Đại Đạo Căn Nguyên, Saigon 1930)

Câu hai tiên tri bốn phương đều kéo cờ ba màu vàng xanh đỏ (tứ hướng thượng tam tài).

III. Lịch Sử Đạo Cao Đài Từ Ngày Đức Chí Tôn Đến Dạy Đạo Đến Lúc Ban Hành Tân Luật (4-2 Đinh Mão - dl: 07-3-1927).

Năm Ất Sửu (1925), Đức Chí Tôn đến trần gian dùng huyền diệu cơ bút dạy Đạo, thu nhận đồ đệ, Thập Nhị Thời Quân để rồi năm sau, năm Bình Dần (1926) Đức Chí Tôn đã khai mở Tam Kỳ Phổ Độ. Đến nay, mùa Xuân Tân Sửu (2021) đánh dấu 96 năm Đức Chí Tôn đến dạy Đạo hay kỷ niệm 95 năm khai mở Đạo Cao Đài.

Thuở đầu tiên, vào thời tiền khai Đạo Cao Đài, vào chiều tối thứ bảy ngày 25-7-1925 (âl: 5-6 Ất Sửu) tại nhà Ông Cao Hoài Sang ở Phố Hàng Dừa, nay là đường Cống Quỳnh, Sài Gòn, Ông Phạm Công Tắc (1890-1959), Ông Cao Quỳnh Cư (1888-1929), và Ông Cao Hoài Sang (1901-1971) đồng sắm sửa nghi lễ lần đầu tiên “xây bàn “mời vong linh quá vãng để cầu hỏi về vận mạng tương lai của Tổ Quốc hoặc xướng họa thi vịnh tiêu khiển.

Ngày hôm sau 26-7-1925 (âl: 6-6-Ất Sửu), giờ Tý, ba vị lại tiếp tục xây bàn và gặp được chơn linh Ngài Cao Quỳnh Tuân [Xuất Bộ Tinh Quân 1844 - (04-11 Bính Thân) 1896], thân phụ của Ngài Cao Quỳnh Cư.

Đêm 30-7-1925 (âl: 10-6-Ất Sửu) ba vị tiếp tục xây bàn và gặp chơn linh cô Vương Thị Lễ (1900-1918) (Thất Nương) xưng danh là Đoàn Ngọc Quế giảng điển cho bài đường thi và hai bài thất ngôn tứ tuyệt làm rung động ba vị xúc cảm họa vận.

Ngày 31-7-1925, ngài Cao Quỳnh Cư mời nhị vị Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang đến nhà ông ở số 134 đường Bourdais, nay là Calmette, Quận 1, cùng xây bàn, gặp chơn linh cô Đoàn Ngọc Quế (tá danh Vương Thị Lễ) dùng thi phú kết thân. Ngày mùng 4 tháng 7 Ất Sửu (dl: 22-8-1925), Cô Đoàn Ngọc Quế giới thiệu với ba vị chơn linh Cô Hớn Liên Bạch, giảng tặng một bài đường thi đặc sắc và bài Hoài Lang.

Vào đêm thứ sáu 10-7 Ất Sửu (dl: 28-8-1925), tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, ba ông (Cư, Tắc, Sang) thỉnh bàn ra (lúc này như say Đạo), tính xây bàn cầu Cô Đoàn Ngọc Quế (tá danh của Thất Nương Vương Thị Lễ) về dạy học văn thi. Ba vị tiếp được Đức AẤẤ (tá danh của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế) giảng cho bài thơ “Ớt cay cay ớt gặm mà cay...”

Đấng A Ấ Ấ

Ba ông để tay thì bàn dờ lên, bỗng có một Ông giảng, ông Cư hỏi tên gì, thật rất lạ, xưng là AẤẤ, gõ bàn cho một bài thi dưới đây :

Thi:

Ớt cay cay ớt gặm mà cay,
Muối mặn ba năm muối mặn dai.
Túng lú đi chơi nên tấp lại,
Ăn bòn chẳng chịu tấp theo ai.

Ông Phạm Công Tác nghe dứt câu liền nói với ông Cao Quỳnh Cư rằng :

- Thôi anh, ai đâu mà nói tiếng gì khó nghe quá ! Sao lại không có tên mà xưng là AÃÃ.

Ông Cư nói :

- Ấy, em ngồi lại cho qua hỏi, vị này không phải tầm thường đâu em.

Ông Cư hỏi Ông AÃÃ mấy chục tuổi ?

Ông AÃÃ gõ bàn, đếm hoài không ngừng, đếm đến mấy trăm cái mà cũng không thôi. Liền đó ông Cư ngưng lại không dám hỏi nữa và kiếm hiểu Ông này ở trên chắc lớn lắm.

Từ đó về sau, có vị nào giáng cho thi thì ba ông cầu Đấng AÃÃ xin giải nghĩa.”

Khoảng đầu tháng 9 năm Ất Sửu, Đấng AÃÃ giáng bàn phân rằng: “Muốn cho Bản đạo đến thường, xin chư vị nạp mấy lời yêu cầu của Bản đạo như sau đây :

Một là đừng kiếm biết Bản đạo là ai.

Hai là đừng hỏi đến Quốc sự.

Ba là đừng hỏi đến Thiên cơ.”

Quý vị xây bàn đều hứa giữ ba điều ấy”.

Đêm mùng 8-8 Ất Sửu (dl: 25-9-1925), Đức AÃÃ dạy ba vị chuẩn bị thiết một lễ chay để cầu thỉnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương giáng lâm.

Ngày mùng 9-8 Ất Sửu, Cô Đoàn Ngọc Quế (Vương Thị Lễ) cho biết Cô chính là Thất Nương và Chị Hón Liên Bạch là Bát Nương, cùng trong Cửu Vị Tiên Nương sẽ hộ giá Đức Diêu Trì Kim Mẫu vào đêm Trung Thu.

Sau ba ngày trai giới, đêm 14 rạng Rằm tháng Tám Ất Sửu (dl: 2-10-1925), ba vị thiết lễ Hội Yến với Chư Thiên tại tư gia Ngài Cao Quỳnh Cư 134 Bourdais. Đến giờ Tý ngày Rằm, ba vị đồng hiến lễ theo lời hướng dẫn của Thất Nương và được Chư Tiên Nương cho biết “Từ đây có Ngọc Cơ rồi thì tiện cho Diêu Trì Cung đến dạy đạo.”

Đêm 1-10-1925 (âl 14-8-Ất Sửu): Hội Yến Diêu Trì Cung

Lối thượng tuần tháng 8 năm Ất Sửu (1925), Thất Nương cho biết về Diêu Trì Cung:

“Diêu Trì Cung trên có Cửu Thiên Nương Nương cai quản, dưới có Chín Tiên Nương mà Cô là Thất Nương, Hón Liên Bạch là Bát Nương.”

Ba ông (Cư, Tác, Sang) nhờ Thất Nương dạy cách cầu Đức Cửu Thiên Nương Nương.

Thất Nương nói :

- Ba anh muốn cầu thì phải ăn chay trước ba ngày và cầu vào đêm Trung Thu, phải có ngọc cơ cầu mới đặng.

Nhơn vào ngày đó, Đấng AẤA bảo ba ông (Cư, Tắc, Sang) làm một cái tiệc chay đãi Mười Đấng Vô hình gồm: Đức Cửu Thiên Nương Nương và Chín vị Tiên Nương.

Đúng vào đêm Trung Thu, 14-8-Ất Sửu (dl 1-10-1925), tại nhà ông Cư (134 Bourdais Sài Gòn, nay là đường Calmette), đúng giờ Tý, cả thầy đều đủ mặt.

Ông Cư đã sắp đặt một cái bàn dài, rải bông lá xung quanh, phía trong bàn, ngay chính giữa, để một cái ghế mây lớn, và nối theo là chín cái ghế mây nhỏ hơn đặt chung quanh bàn, trên bàn chung dọn những bình bông và trái cây tươi tốt, đặt trước mỗi cái ghế là một tách trà, một ly rượu, một cái chén cùng với muỗng, đũa. Ông Cư đốt hương xông trầm, trang hoàng rất tinh khiết. Ông Cư lên nhang đèn, cả thầy đều quì lạy, khấn vái.

Xong, hai ông Cư và Tắc đem ngọc cơ ra cầu.

Đức Cửu Thiên Nương Nương và Cửu vị Tiên Nương giáng Ngọc Cơ để lời chào mừng quý ông.

Thất Nương yêu cầu ba ông (Cư, Tắc, Sang) đờn, rồi mỗi người ngâm bài thi của mình (đã làm sẵn do Thất Nương dặn trước) để hiển lễ.

Chừng nhập tiệc, Thất Nương mời ba ông ngồi vào bàn cho vui. Ba ông không thể chối từ, nên đem thêm ba cái ghế, sắp sau lưng chín cái ghế nọ, ba ông xá rồi ngồi xuống.

Bà Hiếu (bạn đời của ông Cư) sắp đặt đồ ăn chay sẵn, đi vòng quanh bàn dài, gấp thức ăn đặt vào chén của Mười Đấng, rồi rót rượu và rót nước trà, đãi Mười Đấng Vô hình, giống như đãi người hữu hình vậy.

Cách chừng nửa giờ sau, như là tan tiệc, hai ông Cư và Tắc đem Ngọc Cơ tái cầu.

Linh Nương Nương và Chín Tiên Cô để lời cảm tạ, nói rằng :

- Từ đây có Ngọc Cơ rồi thì tiện cho Diêu Trì Cung đến dạy việc.

Xong mỗi vị cho một bài thi 4 câu làm kỷ niệm (không ghi các bài thi trong bài viết này)

Ngày 27-10 Ất Sửu (dl: 12-12-1925), Đức Cửu Thiên Huyền Nữ (Cửu Thiên Nương Nương) giáng cơ mách bảo rằng: “Mùng 1 tháng 11 này, tam vị đạo hữu Vọng Thiên Cầu Đạo”.

Ba ông họp nhau bàn giải, không hiểu cầu đạo là gì mà Đức Bà dạy, để cầu hỏi mấy em.

Ngày sau, ba ông cầu Thất Nương hỏi :

- Thất Nương dạy giùm, cầu đạo là gì ?

Thất Nương nói :

- Không phải phận sự của em, xin hỏi Ông AẢẢ.

Ngày sau nữa, có các Đấng giáng, ba ông hỏi thì các Đấng cũng nói :

- Không phải phận sự của tôi, xin hỏi Ông AẢẢ.

Đêm 30-10 Ất Sửu (dl: 15-12-1925), ba ông cầu Đấng AẢẢ thì Đấng AẢẢ giảng dạy rằng :

- Ngày mùng 1 tháng 11 này (dl: 16-12-1925), tam vị phải Vọng Thiên Cầu Đạo. Ba vị tắm gội cho tinh khiết, ra quì giữa Trời, mỗi vị cầm 9 cây nhang mà vái rằng :

“Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, vọng bái Cao Đài Thượng Đế, ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà qui chánh.”

Ngày 16-12-1925 (âl 1-11-Ất Sửu): Vọng Thiên cầu Đạo

Nhớ lời Ông AẢẢ dạy, tối hôm mùng 1 tháng 11 năm Ất Sửu, ba ông mặc áo dài đen, quần trắng, đầu đội khăn đóng, đặt một cái bàn nhỏ và thấp ngoài sân, trước nhà ông Cư, đồng quì xuống, chống tay lên bàn, mỗi người cầm 9 cây nhang đốt cháy, đưa lên vái : “ Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, vọng bái Cao Đài Thượng Đế ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà qui chánh.”

Ba ông cứ tịnh tâm mặc niệm, vái đúng như lời của Đấng AẢẢ dạy, không nhớ tới cái vụ quì ngoài sân cỏ, dựa đường đi, có kẻ qua người lại dập dìu, lớp thì xe cộ họ đi chơi, lớp thì đi coi hát về, họ dừng chân lại coi ba ông này cúng vái ai mà lại quì ngoài sân cỏ như vậy. Ai coi mặc ai, ba ông cứ quì đó cầu khẩn, van vái cho tàn hết 9 cây nhang.

Cúng vái xong, ba ông vào nhà, đem Ngọc Cơ ra cầu.

Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng cơ, viết chữ Nho, cho 4 câu Hán văn, chép ra sau đây:

Vọng niệm phân kỳ sự sự phi,
Cá lý Thiên tâm thương thể nhĩ.
Thiên tâm tu hướng cá trung cầu.
Quân vấn Thiên tâm mạc tri tường.

Ba Ông không hiểu chi cả.

Khi Đấng Cao Đài Thượng Đế thăng rồi, ba ông mới thỉnh bàn ra, cầu Ông AẢẢ xin giải nghĩa 4 câu Hán văn của Đức Cao Đài Thượng Đế trên đây.

Đấng AẢẢ giáng, giải nghĩa như sau :

Cầu ước, phân thừa, việc việc, chẳng phải,
Mỗi lẽ, Trời, lòng, thường, thế, nhin.
Trời, lòng, tua, ngó theo, mỗi, giữa, khăn,
Bây, hỏi, Trời, lòng, chẳng, biết rõ.

Nghĩa xuôi :

Việc cầu ước đều chẳng phải,
Mỗi lẽ do lòng Trời, phải đợi linh.
Lòng Trời tua ngó theo mỗi việc đều cầu khẩn,
Bây hỏi lương tâm chưa biết rõ sao ?

Đấng AẢẢ nói:

Đấng Cao Đài Thượng Đế nói tam vị chưa đủ đức tin về Ngài nên hỏi gạn lại. Tam vị phải nghĩ cho thấu. Đấng AẢẢ cho bài thi :

Cứ níu theo phan Đức Thượng Hoàng,
Tự nhiên tu tánh đặng bình an.
Nguyệt hoa căn tội tua xa lánh,
Vịn lấy nhánh dương hường Đạo nhân.

Đêm Noel, 24-12-1925 (âl: 9-11-Ất Sửu), Thất Nương giáng cơ truyền phải chỉnh đàn cho nghiêm trang hầu tiếp giá. Nghe vậy, ba ông Cư, Tắc, Sang, nửa mừng nửa sợ, lật đật sắm hương đăng hoa trà tửu quả, chỉnh đàn có nghi tiết, rồi hai ông Cư và Tắc ngồi chấp cơ. Cơ giáng, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế Viêt Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương cho bài thi:

“Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.
Đạo mâu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên”.

“Đêm nay phải vui mừng vì là ngày Ta đã xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây (Europe). Ta rất vui lòng mà đặng thấy đệ tử kính mến Ta như vậy. Nhà này (nhà của ông Cư) sẽ đầy ơn Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa.
Tam vị có lời bạch, cầu xin đợc biết Đức AẢẢ là ai?

Bấy lâu Thầy vẫn tá danh AÃÃ là cốt để dìu dắt các con vào đường đạo đức, hầu chẳng bao lâu đây, các con phải ra giúp Thầy mà khai Đạo.
Các con có thấy Thầy khiêm nhượng là dường nào chưa?
Các con nên bắt chước Thầy trong mấy mún thì mới xứng đáng là người đạo đức”.
(Đại Đạo Căn Nguyên, Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu)

Tiếp theo tái cầu (Noel năm 1925), Ông Cao Quỳnh Cư bàn với các bạn rằng "Bình sanh tôi lấy làm khâm phục thi văn ông Lý Bạch. Vậy chúng ta cầu thử người coi". Sau khi dâng lễ, khăn vái, thi sĩ Lý Bạch giảng cơ xác nhận thân thế và ý chí của Ngài như sau:

Thi:
Đường trào hạ thế hưởng tam quan
Chẳng quản công danh chỉ vị nhân
Ly rượu trăm thi lời vẫn nhắc
Tánh tiên muôn kiếp vốn chưa tàn
Một bầu phong nguyệt say ngơ ngác
Đây túi thơ văn đồ chứa chan
Bồng đảo còn mơ ngày bút múa
Tả tình thế sự, vẽ giang san.

Đầu tháng 12 năm 1925, Đấng AÃÃ giảng bàn phân với ba ông Cư, Tác, Sang rằng :

- Muốn cho Ta tận tâm truyền Đạo, các vị phải gọi Ta bằng THẦY cho tiện bề đối đãi.

Ba ông vui lòng vưng chịu.

Từ đây, giữ nghĩa Thầy trò, tình giao thiệp càng thêm mật thiết.

(Đại Đạo Căn Nguyên, Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu)

Đêm cuối năm dương lịch 31-12-1925 (âm: 16-11 Ất Sửu), Đức Cao Đài giảng cơ giảng dạy: “Con thấy đặng sư hạ mình của AÃÃ thế nào chưa... AÃÃ là Thầy”.

Ngày 02-01-1926, Đức Cao Đài lâm đàn dạy nhị vị Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tác về ý thức trọng trách sắp được giao phó: “Thầy dặn hai con một điều... Thầy khởi sự dạy Đạo cho.”

Ngày 03-01-1926, Thầy dạy bổ sung về thủ cơ chấp bút. Ngày 04-01-1926, Thầy dạy về việc tụng kinh. Tiếp theo sau đó Thầy dạy thờ Thiên Nhân tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư. Ngày 11-01-1926, Ngài Lê Văn Trung tìm đến hầu đàn tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư sau khi đàn Chợ Lớn bế cơ.

Đêm 22-01-1926, tại nhà ông Đoàn Văn Bản, Đức Cao Đài dạy quý Ông Kỳ, Trung, Bản, Cư, Tắc: "...Thầy muốn cho các con thương yêu nhau, sum hiệp với nhau. Nghe và tuân theo. Thầy sẽ nói lại với Chiêu, song con phải tòng nó". Sau đó, nhóm của quý Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc đến tìm gặp nhóm của Ngài Ngô Minh Chiêu (1878-1932) xác định hình thức Thánh Tượng Thiên Nhân.

Đêm giao thừa Ất Sửu qua Bính Dần (dl: 12-02-1926), Đức Chí Tôn phối hợp hai nhóm ghi trên (Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Ngài Ngô Minh Chiêu) làm một bộ phận thông công chung, lần lượt đến từng tư gia 11 vị của hai nhóm, thiết đàn cơ, được Đức Cao Đài ban ân mỗi vị một bài tứ tuyệt. Cuối cùng bộ phận thông công và hai nhóm trở về tụ hội tại nhà Ngài Lê Văn Trung lập đàn đón giao thừa. Đức Cao Đài dạy "Chiêu... thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó. Trung, Kỳ, Hoài, phải lo thay mặt Chiêu mà đi độ người... Bản, Sang, Giảng, Quý, lo dọn mình đặng truyền bá chúng sanh. Đắc giúp đỡ Trung. Đức... Hậu, sau theo mấy anh con đặng độ người..."

Ngày 12-2-1926 (âl: 30-12-Ất Sửu): Hiệp với ông Ngô Văn Chiêu

Cách đây ít ngày, Đức Chí Tôn (Thượng Đế) giảng cơ dạy mấy ông: Trung, Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức phải hiệp với ông Phủ Ngô Văn Chiêu mà lo mở Đạo. Ngài lại dạy rằng, mỗi mỗi phải do nơi ông Chiêu là Anh Cả. Lúc này trong Đạo kể được 13 người :

- | | | |
|---------------------|-------------------|----------------------|
| 1. Ngô Văn Chiêu | 2. Lê Văn Trung | 3. Vương Quan Kỳ |
| 4. Nguyễn Văn Hoài | 5. Đoàn Văn Bản | 6. Võ Văn Sang |
| 7. Lê Văn Giảng | 8. Lý Trọng Quý | 9. Cao Quỳnh Cư |
| 10. Phạm Công Tắc | 11. Cao Hoài Sang | 12. Nguyễn Trung Hậu |
| 13. Trương Hữu Đức. | | |

Đến đêm 30 tháng chạp năm Ất Sửu (dl: 12-2-1926), Đấng Thượng Đế giảng cơ cho mỗi vị trên một bài thi (13 bài thi không có ghi bài thi trong bài viết này).

Ngày 27-01-1926 (âl: 14-12 Ất Sửu), lễ khai đàn thượng Tượng được tổ chức tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, ngày 31-01-1926 (dl: 18-12 Ất Sửu) tại nhà Ngài Vương Quang Kỳ và Ngài Lê Văn Trung.

Ngày mùng 9 tháng Giêng Bính Dần (1927), tổ chức thông công lập tại nhà Ngài Vương Quang Kỳ để đồng thiết Lễ Vía Trời (sau gọi là Lễ Vía Đức Chí Tôn).

Ngày 20 tháng 2, 1926 (dl: 20-02-1926), Đức Cao Đài giảng cơ Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương dạy:

Bửu tòa thơ thới nở thêm hoa,
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà,

Chung hiệp ráng vun nền Đạo Đức,
Bền lòng son sắt đến cùng Ta.

Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm chủ, sau các con sẽ hiểu. Thầy vui muốn cho các con thuận hòa cùng nhau hoài, ấy là lễ hiến cho Thầy rất trân trọng. Phải chung lo cho danh Đạo Thầy.

Đạo Thầy tức là các con, các con tức là Thầy, phải làm cho nhau đặng thể lực, đừng ganh gổ nghe! Các con giữ phận làm tùy ý Thầy muốn, ngày sau sẽ rõ thấu ý muốn của Thầy.

Vào vòng huynh đệ khá thương nhau,
Một đức trời hơn một phẩm cao.
Quyết chí Thiên Đường mau bước tới,
Phải nhiều máu thịt mới đồng bào.

Các con phải hiểu rằng: Thầy, là huyền diệu thế nào? Cách dạy, Thầy buộc tùy thông minh mỗi đứa mà dạy.

Ngày 13-01 Bính Dần (dl: 25-02-1926), tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, Đức Cao Đài dạy ý nghĩa và cách bài lạy chấp tay bắt ấn Tý cùng cách may bộ thiên phục.

Ngày rằm tháng Giêng Bính Dần (dl: 27-02-1926), tại dinh quận Cần Giuộc, Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc độ Ngài Nguyễn Ngọc Tương (1881-1951). Đức Cao Đài dạy: “Tương, từ đây con trấn nhậm nơi nào thì là hồng phúc của nơi ấy nghe con...”

Ngày 04-3-1926, Ngài Nguyễn Ngọc Tương cùng nhiều vị tiên khai đến Vĩnh Nguyên Tự xin phép lập đàn. Ngài Lê Văn Lịch (1890-1947) và Ngài Trần Văn Thụ (1857-1927) vâng lời dạy của Thái Lão Sư Lê Đạo Long đắc quả vị Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn giảng đàn, chuyển qua tu theo đạo Cao Đài.

Từ xưa đến nay, cứ mỗi lần Đức Thượng Đế khai mở một mối Đạo mới thì Đức Ngài dùng một danh xưng mới, ví dụ như: Thái Thượng Nguơn Thi, Thích Ca Mâu Ni, Gia Tô Giáo Chủ,...

Ngày 7-4-1926 (Bính Dần), Đức Thượng Đế cho biết danh xưng của Đức Ngài trong thời Tam Kỳ Phổ Độ qua bài Thánh Giáo sau đây:

Niên Đăng Cổ Phật thị Ngã,
Thích Ca Mâu Ni thị Ngã,
Thái Thượng Nguơn Thi thị Ngã,

Gia Tô Giáo Chủ thị Ngã
Kim viết Cao Đài.,,
(Trích từ Phổ Cáo Chúng Sanh)

Nghĩa là:
Nhiên Đấng Cổ Phật là Ta,
Thích Ca Mâu Ni Phật là Ta,
Thái Thượng Nguơn Thi là Ta,
Gia Tô Giáo Chủ là Ta,
Nay gọi là Đấng Cao Đài.

Như vậy, danh xưng của Đức Thượng Đế trong thời Tam Kỳ Phổ Độ là Đấng Cao Đài.

Khai Đạo tại Việt Nam vào thời mạt pháp, Đức Thượng Đế đã dùng hai chữ Cao Đài, là Tòa Ngự của Ngài, để làm danh xưng cho Ngài và cho mỗi Đạo mới là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (hay Đạo Cao Đài).

Theo Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Phật Thích Ca giảng dạy về “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” lần đầu tiên vào ngày 26-2 Bính Dần (dl: 8-4-1926) tại Đàn cơ nơi Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc, Long An). Bài Thánh ngôn Đức Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cơ như vậy:

*Thích Ca Mâu Ni Phật
Chuyển Phật Đạo,
Chuyển Phật Pháp,
Chuyển Phật Tăng,
Qui nguyên Đại Đạo, tri hồ chư chúng sanh?*

Khánh hỷ! Khánh hỷ! Hội đắc Tam Kỳ Phổ Độ. Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đại hỷ phát đại tiếu. Ngã vô lự tam đồ chi khổ. Khả tụng giáo Ngọc Đế Viết Cao Đài Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.”

Để truyền Đạo qua cơ bút, Đức Chí Tôn chọn một số môn đồ và tạm phong là Tiên Đạo Phò Cơ Đạo Sĩ. Đêm 25 rạng mặt 26-4-1926 (al: 14 rạng mặt rằm-3-Bính Dần), Đức Chí Tôn giảng cơ dạy:

Đức, Hậu, phong vi tiên đạo phò cơ Đạo Sĩ. Cư, phong vi Tá Cơ Tiên Hạt Đạo Sĩ.

Tác, phong vi Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ.

Trung, Lịch, đã thọ sắc, cứ tước vị mà theo lệnh sắc mạng Ta.

Kỳ, phong vi Tiên Sắc Lang Quân Nhâm Thuyết Đạo Giáo Sư.

Bản, phong vi Tiên Đạo Công Thần Thuyết Đạo Sư.

Cư, tuân theo lời Thầy truyền mà thi hành.

Theo tài liệu sưu khảo, để chuẩn bị cho Thập Nhị Thời Quân, Đức Chí Tôn lập 6 cặp Phò loan, phong là Tiên Đạo Phò Cơ Đạo Sĩ, gồm:

- 1- Trương Hữu Đức - Nguyễn Trung Hậu: Phò loan tại đàn Cầu Kho.
- 2- Trần Duy Nghĩa - Trương Văn Trảng: Phò loan tại đàn Lộc Giang (Phước Long Tự).
- 3- Phạm Văn Tươi - Ca Minh Chương: Phò loan tại đàn Tân Kim (Cần Giuộc)
- 4- Nguyễn Thiêng Kim - Phạm Tấn Đãi: Phò loan tại đàn Long Thành Tự (Cần Đức).
- 5- Huỳnh Văn Mai - Võ Văn Nguyên: Phò loan tại đàn Thủ Đức (gần Chợ Thủ Đức).
- 6- Nguyễn Văn Mạnh - Lê Thiện Phước: Phò loan nhiều nơi, không rõ và nhất định.

Khi lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, ba vị Phò loan: Nguyễn Thiêng Kim, Huỳnh Văn Mai, Võ Văn Nguyên không đến dự, nên ba vị này không được phong vào Thập Nhị Thời Quân Hiệp Thiên Đài.

Đức Chí Tôn phong cho ba vị khác là: Thái Văn Thâu, Lê Thế Vĩnh, Cao Đức Trọng. Ngài Cao Đức Trọng được Đức Chí Tôn phong sau cùng.

Ngày Rằm tháng 3 Bính Dần (1926), Ngài Lê Văn Lịch thọ Thiên Phong Đầu Sư phái Ngọc (Ngọc Lịch Nguyệt). Vốn căn bản Đạo Minh Sư, thờ Tam Giáo, với Phẩm tước cao trọng trong thành phần lãnh đạo, Ngài được giao chọn kinh dùng trong nghi lễ. Các bài kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, Phật Giáo (Hỗn Độn Tôn Sư...), Tiên Giáo (Tiên Thiên khí hóa...) và Nho Giáo (Quế Hương nội điện...) được chọn dùng trong kinh Cao Đài.

Ngày 17-5 Bính Dần (1926), Ngài Nguyễn Ngọc Tương thọ Thiên Phong phẩm Phối Sư và ngày lễ Thiên Phong chức sắc lần 2, Ngài được ân ban phẩm Chánh Phối Sư.

Ngày 10-9 Bính Dần (1926), Thầy ân phong Ngài Trần Văn Thụ (Thái Lão Sư Trần Đạo Minh) (1857-1927) phẩm Chương Pháp phái Ngọc.

Đầu năm Bính Dần (1926), Quý Ngài Lê Văn Trung, Vương Quang Kỳ, Cao Quỳnh Cư, Nguyễn Văn Kinh đến Linh Quang Tự xin lập đàn. Thái Lão Sư Trần Đạo Quang (1870-1946) chịu quy hiệp Cao Đài trong đó đặc biệt có chư vị Nguyễn Văn Tương (sau thọ thiên phong Thượng Chương Pháp), Nguyễn Văn Kinh và nhiều vị khác nữa.

Ngày 12-12 Bính Dần (dl: 15-01-1926), Ngài Trần Đạo Quang thọ phong Ngọc Chương Pháp.

Ngày 26-6-1926, Ngài Nguyễn Ngọc Thơ (1873-1950) và bà Lâm Hương Thanh (1874-1937) thượng số Cầu Đạo, được Đức Chí Tôn thân nhận làm tín đồ cốt cán.

Tiếp theo sau đó, nhiều vị tu theo Minh Sư và những vị có học thức, có danh tiếng, quy hiệp về Cao Đài như Ca Minh Chương, Yết Ma Nhung, Yết Ma Luật, Yết Ma Giống, Đốc Phủ Lê Bá Trang, Tri Phủ Mạc Văn Nghĩa, Thông Phán Ngô Tường Vân, Nghiệp

chủ Nguyễn Phát Đạt, Đại Hương Cả Ngô Văn Kim, Thông Phán Nguyễn Văn Giải, Nghị viên Nguyễn Văn Lai, Cai Tổng Nguyễn Văn Chức, v.v...

Kể từ tháng 3-1926, số người nhập môn Cao Đài ngày càng nhiều (hàng ngàn người). Các Đoàn Phổ Độ nhanh chóng được mở thêm như Trường Sinh Tự, Vạn Phước Tự, Đoàn Lộc Giang, Đoàn Thủ Đức...

Ngày 13-3 Bính Dần (dl: 24-4-1926), Ngài Ngô Văn Chiêu từ phẩm vị Giáo Tông của phương tu phổ độ (hữu hình), trở lại tiếp tục con đường nội tu Tâm Truyền (vô vi) sau này lập nên Phái Chiếu Minh (Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi).

Giờ Tý ngày Rằm tháng Ba Bính Dần (dl: 26-4-1926), tại nhà Ngài Lê Văn Trung, chư vị Thiên Phong lập đàn thọ phong chức sắc, đến trước Bàn Ngũ Lô và bàn Hộ Pháp quỳ thề làm tròn Thiên Đạo và dìu dắt mấy em, môn đệ của Cao Đài Ngọc Đế.

Các vị chức sắc gồm: Thượng Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, Ngọc Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, Hộ Pháp Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo sĩ Phạm Công Tắc, Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ Cao Quỳnh Cư, Tiên Đạo Phò Cơ Đạo sĩ Trương Hữu Đức và Nguyễn Trung Hậu, Tiên Sắc Lang Quân Nhậm Thuyết Đạo Giáo Sư Vương Quang Kỳ, Tiên Đạo Công Thần Thuyết Đạo Sư Đoàn Văn Bản.

Ngày 28-6 Bính Dần (dl: 06-8-1926), tại Tam Tông Miếu Minh Lý Thánh Hội, Đức Lục Đinh Thần, vâng lệnh Đức Đạo Tổ, truyền phải sắm 12 cuốn kinh Sám Hối cho thiết tốt và cho đi mời Ngài Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc, Cao Huỳnh Cư, Lê Văn Lịch, Vương Quang Kỳ,... đến làm lễ thỉnh kinh. Trong bộ kinh thỉnh 6 bài kinh: Niệm Hương, Khai Kinh, Kinh Sám Hối, Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối, Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần về làm kinh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đêm mồng 1 rạng mồng 2-7 Bính Dần (dl: 9-8-1926), tại Vĩnh Nguyên Tự, Thầy dạy ngài Ngọc Lịch Nguyệt lập Tam Trấn chứng đàn. Quý ông Nguyễn Ngọc Trương, Ngô Văn Kim và Nguyễn Ngọc Thơ lập thệ có mặt quý Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang. Cũng trong đêm này, Thầy ân ban tịch đạo “Thanh” cho Nam Phái.

Ngày 8-8-1926 (âl: 1-7-Bính Dần): Ngọc Hoàng Thượng Đế Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương giáng cơ dạy:

Trong Tam Kỳ Phổ Độ và qui Tam giáo này,
Phật thì có Quan Âm,
Tiên thì có Lý Thái Bạch,
Thánh thì có Quan Thánh Đế Quân, khai đạo.

Vậy con lập cho đủ Ba Trấn chứng đàn, con phải lập bàn Ngũ Lô như Thầy dạy lúc trước, phải có bùa Kim Quang Tiên, còn con viết bùa Giáng Ma Xử để bàn vọng Hộ Pháp, rồi Cư chấp bút nhang cho Thầy triệu Ngũ Lô đến, rồi nó xuống đứng gần bàn Hộ Pháp với Tắc và Sang, còn mấy đứa phò loan đứng vòng theo đó.
Con biểu Trương, Kim, Thơ, thề y như buổi trước, chư môn đệ thề như buổi Thiên phong.
Con phải nhớ dặn chúng nó tịnh tâm mới đặng, vì có cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật chứng đàn. Các con nghe Tịch Đạo (Thầy ban Tịch Đạo Nam Phái Cửu Trùng Đài):

Thi:

THANH đạo tam khai thất ức niên,
Thọ như địa quyền thanh hòa Thiên.
Vô hư qui phục nhơn sanh khí,
Tạo vạn cổ đàn chiếu Phật duyên.

THANH là Tịch các con (Tịch Đạo Nam Phái). Phải dùng tên ấy mà thề.

Tái cầu: ngày 8-8-1926 (âm: 1-7-Bính Dần): Tam Trấn Tam Kỳ Phổ Độ giáng cơ.

Trong đàn cơ này, Tam Trấn Tam Kỳ Phổ Độ là Lý Thái Bạch (Tiên Đạo), Quan Âm (Phật Đạo) và Quan Thánh Đế Quân (Thánh Đạo) giáng cơ mỗi vị cho bài thi:



Thánh Tượng Tam Trấn và Thánh Tượng Ngũ Chi (Cũ & Mới)

Lý Thái Bạch giáng cơ:
Thái thượng vô ngôn hữu đạo thành,
Bạch vân hữu nhơn kiến nhơn sanh.
Kim quang đắc kiếp tu tâm thiện,
Tinh đầu nan tri ngã độ thành.

Quan Âm giảng cơ:
Quang minh Nam Hải trần thiên môn,
Âm cảnh năng tri độ dẫn hồn.
Bồ đoàn mạc hám liên huê thất,
Tác thể tâm ưu khởi đạo tông.

Quan Thánh giảng cơ:
Quan thành tái hiệp Hớn triều phong,
Thánh đức mạc vong hám thể trần.
Đế thất nhứt tâm trung khí đồng,
Thanh y xích diện hảo vinh phong.

Ngày mồng 3-7 Bính Dần (dl: 10-08-1926), tại nhà Ngài Thượng Trung Nhựt, lễ thọ nhận Thiên Phong lần 2 cho quý vị vừa được ân ban trong đêm mồng 1 rạng mồng 2 tháng 7 ở Vĩnh Nguyên Tự.

Ngày 13-8 Bính Dần (dl: 18-9-1926), Thầy nhắc lại Thánh Lệnh tổ chức Lễ Khai Minh Đại Đạo vào ngày Rằm tháng Mười Bính Dần (dl: 15-10-1926) có Đại Hội cả Tam Giáo.

Ngày 18-09-1926 (al: 13-8 Bính Dần): Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương giảng cơ dạy:

“Các con, Thầy đã lập thành Thánh Thất; nơi ấy là nhà chung của các con; biết à. Thầy lại quy Tam Giáo lập thành Tân Luật, trong rằm tháng mười có đại hội cả Tam Giáo nơi Thánh Thất. Các con hay à!
Sự tế tự sửa theo "Tam Kỳ Phổ Độ" cũng nơi ấy mà xuất hiện ra; rõ à!
Thầy nhập ba chi lại làm một là chủ ý quy tụ các con trong Đạo Thầy lại một nhà, Thầy làm cha Chương quản, hiểu à!
Từ đây trong nước Nam duy có một Đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con, gọi là "Quốc Đạo", hiểu à!
Các con phải ngưng mọi việc mà chung lo trong đại hội”.

Ngày Rằm tháng 8 Bính Dần, Thầy dạy hai Ngài Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt phải hội “chư Thánh” làm đơn mà xin Khai Đạo.

Ngày 23-8 Bính Dần (dl: 29-9-1926), theo lệnh Ông Trên, cuộc họp lập tờ Khai Tịch Đạo được tổ chức tại nhà Ông Nguyễn Văn Tường ở hẻm đường Galliéni (nay là số 208 Cô Bắc, Quận 1). Sau buổi họp, Thầy giảng dạy lập danh sách đem vào tờ Khai Đạo, ấn định ngày gởi, đồng thời dạy chư vị cần có ý thức thêm về việc quảng bá mỗi Đạo Trời. Danh sách đứng tên Khai Tịch Đạo chính thức nộp cho Toàn Quyền Le Fol vào ngày thứ năm 07-10-1926 (al: 01-9 Bính Dần) gồm 28 vị đại diện cho 247 (chính xác 245) vị hiện diện.

Ngay sau khi gởi tờ Khai Tịch Đạo lên Thống Đốc Nam Kỳ, chư Tiên Khai lập tờ “Phổ Cáo Chúng Sanh” để gởi đi khắp nơi.

Ngày mùng 7 tháng 9 Bính Dần (dl: 13-10-1926), Thầy duyệt sửa nội dung tờ “Phổ Cáo Chúng Sanh” và dạy phải cấp lo phổ độ, phải phân nhau mà đi cho khắp. Quý Ngài liền chia nhau làm ba nhóm. Nhóm truyền Đạo Cao Đài thứ ba được phân công về Tây Ninh gồm các tiên bối: Lê Bá Trang, Vương Quang Kỳ, Yết Ma Lê Văn Nhung, Sư Kinh Hối, Trần Văn Liêng... Phò loan thì có quý Ngài Cao Quỳnh Diêu và Cao Quỳnh Cư.

Điều đặc biệt, nhắc đến chùa Thiên Lâm, Gò Kén, người ta lại nhắc đến Đạo Cao Đài bởi một mối quan hệ đặc biệt. Đại đức Thích Thiện Nghĩa cho biết ngôi chùa này là một chùa Phật nhưng tại nơi đây, vào ngày 18-11-1926 tức ngày 15-10 năm Bính Dần, nhà chùa đã cho hai ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc mượn chùa một thời gian để làm nơi khai đạo. Bởi trong thời gian đó Tòa Thánh Cao Đài ở Tây Ninh vẫn chưa được xây dựng.



Thiên Lâm Tự ở Gò Kén, Tây Ninh - Ngôi Chùa Cổ Hơn Trăm Tuổi

Ngày 16-7 Bính Dần (dl: 23-8-1926), có mặt quý Ngài Thượng Trung Nhật, Ngọc Lịch Nguyệt, Thái Thơ Thanh và Hòa Thượng Như Nhân (Thích Từ Phong), tục danh là Nguyễn Văn Tường (1874-1938) chủ chùa Gò Kén (Từ Lâm Tự), Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương, dạy Hòa Thượng Như Nhân:

“... Ta trông công hiền đồ mà lập thành cho nước Nam làm chủ của nền Chơn Đạo. Nơi đây là Thánh Địa, Ta lập Thánh Thất, hiền đồ có lòng giúp Ta chăng?” Hòa Thượng Như Nhân vâng lệnh hứa thuận lòng chuyển Từ Lâm Tự thành Thánh Thất Cao Đài.

Sau khi có được địa điểm, Ngài Thượng Trung Nhựt làm đơn xin phép lập lễ hội để hành Đại lễ Khai Minh Đại Đạo dự kiến trong ba ngày 14, 15 và 16 tháng 10 năm Bính Dần. Ông Bà Nguyễn Ngọc Thơ hoàn chỉnh thánh thất Gò Kén (Từ Lâm Tự) với các hạng mục như: lán xi măng sân chùa, đào giếng, trồng hoa, làm đường đá ra đến đường cái, v.v...

Trong nội điện Từ Lâm Tự, ngày 12-8 Bính Dần, Đức Chí tôn dạy Ông Nguyễn Văn Kiệt (1881-1965) mượn thợ làm bảy cái ngai chạm trổ để chung trước Thiên Bàn: một cái trọng hơn cho Giáo Tông, ba cái cho ba vị Chương Pháp, ba cái cho ba vị Đầu Sư. Đức Chí Tôn cũng dạy Ông Thái Bính Thanh (Lâm Quang Bính) làm một trái Càn Khôn bề kính tâm ba thước ba tấc và vẽ tại ngôi sao Bắc Đẩu con mắt Thầy để thờ và dạy Ngài Thái Thơ Thanh lo sắp xếp cách thờ với đủ tượng Tam Giáo Đạo Tổ (Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử và Đức Khổng tử), Tam Trấn Oai Nghiêm (Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Đức Lý Thái Bạch Kim Tinh, Đức Quan Thánh Đế Quân), Đức Chúa Giê Su và Đức Khương Thái Công.

Ngoài sân Từ Lâm Tự, Ngài Thái Thơ Thanh mượn thợ đúc một tượng bằng xi măng cốt sắt hình Thái Tử Sĩ Đạt Ta cỡi ngựa trắng, có người hầu trung tín Xa Nặc chạy theo sau, đặt ngay trước cửa chùa, hướng vào chánh môn.

Đúng ngày đại lễ Khai Minh Đại Đạo, suốt ngày đêm, hàng chục xe hơi và nhiều loại phương tiện vận chuyển khác chở quan khách đến dự tấp nập. Hàng ngàn, hàng vạn thiện nam tín nữ từ khắp nơi tựu hội về Thánh Thất Gò Kén tỉnh Tây Ninh, tạo nên khung cảnh vô cùng náo nhiệt. Bá tánh thập phương đến tham dự quá đông nên lễ phải kéo dài liên tiếp đến ba tháng.

Đêm 14 rạng rằm tháng 10 Bính Dần (dl: 18 & 19-11-1926), lễ Lập Vị Thiên Phong chư chức sắc Hội Thánh.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay Đạo Cao Đài được chính thức khai nguyên vào ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần (dl: 19-11-1926).

Thành phần lãnh đạo Hiệp Thiên Đài có các Ngài: Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, Thượng Sanh Cao Hoài Sang.

Bên Cửu Trùng Đài có các Ngài Thượng Chương Pháp Nguyễn Văn Trương, Thái Chương Pháp Như Nhân, Ngọc Chương Pháp Trần Văn Thụ, ba vị Đầu sư Thượng Trung Nhựt, Thái Minh Tinh, và Ngọc Lịch Nguyệt, ba vị Chánh Phối sư: Thượng Trương Thanh, Thái Thơ Thanh và Ngọc Trang Thanh.

Tiếp theo là các chức sắc Nam phái khác và nữ Phái.

Từ đây Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nay là Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh đã chính thức hình thành và trình diện trước nhân sanh, với đầy đủ thẩm quyền thị hiện Thánh Thể Đức Chí Tôn tại thế.

Trong ngày Khai Đạo tại Thánh Thất Từ Lâm Tự (Chùa Gò Kén) Tây Ninh, đêm 14-10 Bính Dần (dl: 18-11-1926), Đức Chí Tôn giáng cơ ban cho Tịch Đạo của Chức sắc Cửu Trùng Đài (CTĐ) Nữ Phái:

"Nữ Phái nghe Thầy khai Tịch Đạo: bên Nữ, tịch Đạo là Hương Tâm:

Hương Tâm nhứt phiến cận càn khôn,
Huệ đức tu chơn độ dẫn hồn.
Nhứt niệm Quan Âm thù bảo mạng,
Thiên niên đẳng phái thủ sanh tồn.

Thầy ban ơn cho các con, cứ hành lễ theo lời dặn."

Sau ngày khai Đạo, Đức Chí Tôn ngay lập tức phán dạy: "Thầy đã muốn cho hoàn toàn phải căn cứ Luật mà hễ có Luật thì cần phải do theo đó mà hành đạo, mới khỏi điều sơ thất đặng".

Thầy lập Pháp Chánh Truyền và Tân Luật thì Thầy giao cho Đức Lý Giáo Tông và Hội Thánh lập.

Thứ hai, ngày 6-12-1926 (âl: 2-11 Bính Dần): Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương:

Nghe Thầy dạy :

- "Khởi đầu lập Luật tu gọi là Tịnh Thất Luật,
- kế nữa là lập Luật trị, gọi là Đạo Pháp Luật,
- ba là lập Luật đời gọi là Thế Luật".

Ngày 18-12-1926 (âl: 14-11 Bính Dần), Đức Lý Thái Bạch giáng cơ dạy:

Thượng Trung Nhựt, hiền hữu nghe dạy: Buổi lập Luật phải ngưng sự phổ độ lại đôi chút. Lo cho xong Tân Luật thì mới truyền bá Chơn Đạo rõ lý hơn.

Vậy ngày Đại lễ Thánh giáo Giáng sinh, phải có mặt tại đây cho đủ và nạp Luật cho kịp ngày ấy.

Làm lễ xong, qua ngày kế thì chư Thánh mặc Đại phục, vào Đại điện bái, rồi Hiền hữu biểu sắp ghế vòng theo Đại điện. Hiền hữu và Ngọc Lịch Nguyệt lên tọa bửu vị, rồi theo

chức phận chư Thánh mà ngồi vòng hai bên như lúc hiền hữu còn tại Thượng Nghị Viện, đặng cãi luật đó vậy.

Hiền hữu chương quản làm chủ Hội, mỗi vị Thánh đều đặng quyền cãi lẽ, nghe à !”.

Ngày 24-12-1926 (al: 20-11 Bính Dần) chư vị tiên khai đồng tựu về tại Thánh thất Gò Kén đặng Đức Lý Thái Bạch giảng dạy rõ thời biểu hợp “Cải Luật”, Tân Luật Cao Đài.

Cùng ngày 24-12-1926, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế Viêt Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương giảng cơ nói về lập Tân Luật:

Từ mười ngàn năm rồi, đã ở dưới quyền tà quái áp chế. Vì vậy mà Thầy phải giảng trần độ rồi các con, chớ chi Thầy đến mà làm cho giảm sự khổ não của các con chẳng đặng nữa thì thôi, lẽ nào còn lập Tân Luật ràng buộc các con thêm nữa... Vì có mà Thầy buồn.

Thầy tỏ thật, cái luật lệ, Thầy khiến các con hiệp chúng trí mà lập thành đây, nó có ảnh hưởng về đạo đức Tiên Phong Phật Sắc của các con, nên Thầy buộc mình cam chịu vậy; chẳng luật lệ thì trái phép, mà trái phép thì làm thế nào vào Bạch Ngọc Kinh cho đặng.

Vậy các con rón làm phận sự cho hoàn toàn, rồi có Thái-Bạch giảng cơ sửa luật”.

Ngày 25-12-1926 (al: 21-11 Bính Dần), Đức Lý Thái Bạch giảng dạy Hội Thánh trong ba tuần nữa phải lập thế nào cho rồi luật.

Ngày 17-01-1927 (al: 14-12 Bính Dần), Đức Thái Bạch và Đức Chí Tôn dạy Hội Thánh thành lập Tân Luật. Đến ngày 12 tháng Chạp Bính Dần (dl: 15-01-1927), Đức Lý Thái Bạch giảng dạy nghi thức buổi lễ dâng luật.

Ngày hôm sau, 13 tháng Chạp Bính Dần, tại chánh điện Thánh thất Gò Kén, lễ dâng trình Tân Luật đã được tiến hành. Khởi đầu từ ba vị Chánh Phối sư dâng cho ba vị Đầu Sư và Ba vị Đầu Sư dâng cho hai vị Chương Pháp. Nhị vị Chương Pháp tiếp luật rồi lại đưa ngang khởi đầu dâng cho Đức Khương Thái Công và Thánh Chúa Giê Su, rồi để trước Tiên vị của Đức Lý Thái Bạch một ngày một đêm để đặng Ngài xét đoán.

Sau khi được giao cho Nhị vị Chương Pháp xem xét lại, Ngày 14 rạng rằm tháng Giêng Đinh Mão, Hội Thánh trình dâng Tân Luật lên Đức Chí Tôn.

Tân Luật được phê duyệt và ban hành ngày mồng 4-2 Đinh Mão (dl: 07-3-1927).

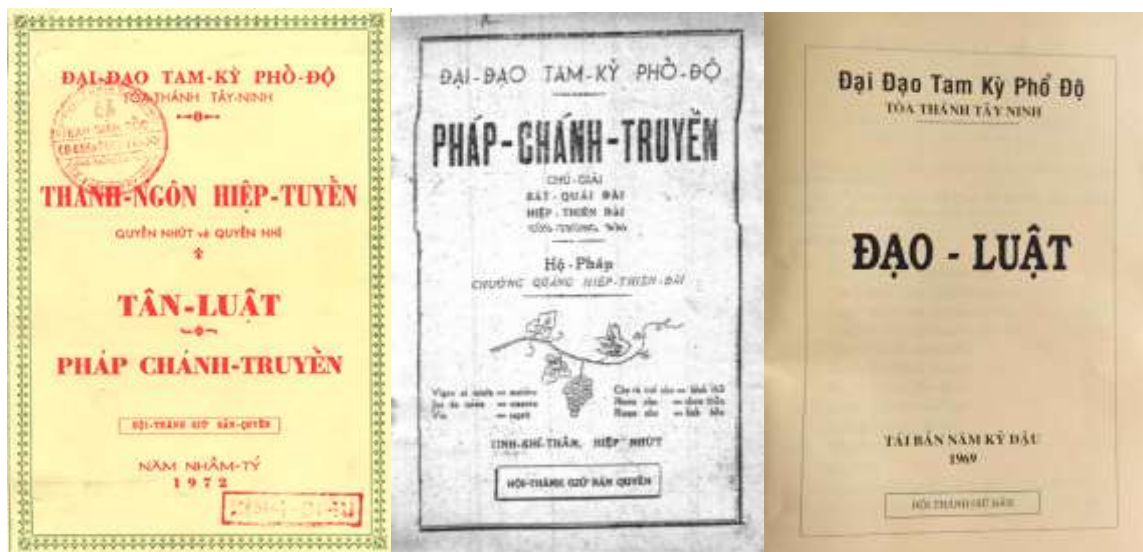
Ngày 1-6-1927 (âl: 2-5 Đinh Mão), trong Đàn Cơ tại Phước Thọ Đức Chí Tôn giảng cơ và dạy là Thầy sẽ ngưng hết cơ bút Phổ Độ truyền Đạo. “Đức Chí Tôn ra lệnh: cuối tháng 6 âm năm Đinh Mão (1927), Thầy phải ngưng tất cả cơ bút truyền Đạo”. Cơ bút truyền

đạo là các đàn cơ phổ độ tổ chức ở các nơi để thu nhận tín đồ. Bởi vì Đức Chí Tôn sợ đê lâu, Quỷ Vương xâm nhập các đàn cơ này khuấy phá làm mất đức tin của bọn đạo. Chỉ ngưng cơ bút phổ độ ở các địa phương, còn cơ bút tại Tòa Thánh thì vẫn duy trì để Đức Lý Giáo Tông và các Đấng điều hành nền Đạo”.

Tân Luật đã được ban hành, việc thu nhận tín đồ qua cơ bút chánh thức chấm dứt vào đầu tháng 7 Đinh Mão, từ đó theo Tân Luật mà thi hành phổ độ.

Đức Chí Tôn đến dạy Đạo ngày mùng 5 tháng 6 Ất Sửu (dl: 25-7-1925), đầu môn đồ năm 1926 (Bính Dần). Để rồi ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần (dl: 19-11-1926) chánh thức khai mở Tam Kỳ Phổ Độ tại Chùa Gò Kén, tỉnh Tây Ninh. Không đầy 4 tháng từ ngày khai Đạo, Thầy đã lập Pháp Chánh Truyền và Tân Luật.

Đức Chí-Tôn dạy: “Thầy đã muốn cho hoàn toàn phải cần có Luật mà hễ có Luật cần phải do theo đó mà hành đạo, mới khỏi điều sơ thất đặng”. Pháp Chánh Truyền và Tân Luật coi như Hiến Pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tất cả chi chi phải noi theo đó mà thi hành không được chêm chước.



Bìa sách Thánh Ngôn Hiệp Tuyên (1972), Pháp Chánh Truyền và Đạo Luật (1969)

- Đêm Rằm rạng 16 tháng 10 Bính Dần (dl: 19 & 20-11-1926): Đức Chí Tôn ân ban Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nam Phái.
- Ngày 11 tháng Giêng Đinh Mão (dl: 12-02-1927): Đức Lý Thái Bạch ân ban Pháp Chánh Truyền Nữ Phái.
- Ngày 12 tháng Giêng Đinh Mão (dl: 13-02-1927): Đức Chí Tôn ân ban Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài.

Đức Chí Tôn thiên phong phẩm vị chánh thức cho Thập Nhị Thời Quân mà trước đây Đức Chí Tôn chỉ tạm phong là Tiên Đạo Phò Cơ Đạo Sĩ.

- Ngày 4 tháng 2 năm Đinh Mão (dl: 07-3-1927): Hội Thánh và Đức Lý Giáo Tông dâng Tân Luật và được Đức Chí Tôn phê duyệt và ban hành.

Từ ngày 12 tháng Giêng Đinh Mão (dl: 13-02-1927), Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã ban hành Pháp Chánh Truyền và Tân Luật, Hội Thánh căn cứ theo đó, nắm quyền pháp điều hành cơ Đạo trên tất cả các phương diện để phổ độ Đạo Thầy đến thất ức niên.

IV. Lễ Tế Trời Và Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn Ngày Mừng 9 Tháng Giêng?

Theo nghi lễ Đạo Cao Đài thì mừng 9 tháng Giêng vào mùa Xuân là ngày được chọn làm Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn, còn gọi là lễ vía Trời hay lễ tế Trời, là một trong những nghi lễ Đạo quan trọng nhất trong năm của người tín đồ Đạo Cao Đài.

Thế thì Thượng Đế hay Ông Trời có từ lúc nào? Dĩ nhiên là không ai có thể trả lời là Trời sinh lúc nào? Vậy tại sao trong Đạo Cao Đài lại lấy ngày mừng 9 tháng Giêng âm lịch làm ngày Đại Lễ Vía Trời (Đức Chí Tôn)?

Đại Nam Quốc Âm Tự vị của Paulus Huỳnh Tịnh Của (xuất bản tại Sài Gòn năm 1896) giải nghĩa về Lễ Trời như sau:

“Ngày vía tức là ngày sinh. Thí dụ: mồng chín Vía Trời, mồng mười vía Đất. Ngày mừng 9, mừng 10 tháng Giêng thói tục hay cúng Trời Đất, hiểu là ngày Trời Đất sinh.”

Cuốn tự điển này ra đời trước khi Đạo Cao Đài khai minh 30 năm (1896 -1926). Như vậy, ta có thể hiểu rằng Lễ Vía Trời là một nghi lễ vốn đã có từ lâu đời của người Việt Nam. Hay nói cách khác Lễ Vía Trời của Đạo Cao Đài cũng là nối tiếp truyền thống tín ngưỡng xa xưa của dân tộc Việt Nam (và cả Trung Hoa).

Nhưng tại sao lại chọn ngày mừng 9? Tại sao là tháng Giêng? Và tại sao là mùa Xuân?

Trước khi giải đáp, chúng ta cũng cần nhắc lại rằng: dù trong Đạo Cao Đài hay ngoài dân gian cũng đều quan niệm rằng: Trời là Thủy Tổ, là Đấng Sinh thành, là Đấng Tạo hóa sáng tạo ra muôn loài vạn vật, Đấng tạo lập Càn Khôn Vũ Trụ.

Ở Trung Quốc Lễ Tế Trời có từ đời Thương Cổ và thường được tổ chức vào ngày Đông Chí (ngày Đông Chí luôn nằm trong tháng 11 âm lịch). Trong Khang Hi tự điển mục từ Giao có ghi:

“Đông Chí tự Thiên vu Nam Giao,

Hạ Chí tự Địa vu Bắc Giao,
Cổ vi tự Thiên Địa vi Giao”

Ý nghĩa là ngày Đông Chí tế Trời ở gò phía Nam, ngày Hạ Chí Tế Đất ở gò phía Bắc, cho nên Tế Trời Đất gọi là Giao. Theo kinh Lễ, muôn vật được sinh ra bởi Trời (Cha) được dưỡng nuôi bởi Đất (Mẹ), nên lễ tế Trời Đất hay Tế Giao là lễ nhớ ơn Trời Đất.

Ở Việt Nam, Lễ Tế Trời bắt đầu có từ đời vua Hùng Vương, theo sử sách lưu truyền trong dân gian có ghi: Vào đời vua Hùng Vương thứ 6, người con thứ 18 là Tiết Liệu đã được truyền ngôi vì biết làm bánh dày (hình tròn tượng trưng cho Trời), bánh chưng (hình vuông tượng trưng cho Đất) để cúng Trời Đất trong dịp đầu xuân (quan niệm người xưa Trời tròn Đất vuông: Thiên viên Địa phương). Vậy thì cúng Trời Đất, nhớ ơn Cha Mẹ sinh thành trong dịp đầu năm của cư dân Lạc Việt đã có từ đời Hùng Vương thứ 6 và nó không dành riêng cho ai mà là đạo làm người của mọi người dân trong nước.

Đến thời nhà Lý, nhà Trần thì chỉ có nhà Vua mới được Tế Trời, vì Vua là đáng Thiên Tử thay Trời trị dân, còn người dân thì chỉ được Tế Thành Hoàng ở đình làng. Lễ Tế Trời tại đài Nam Giao do chính Hoàng Đế ngự tế chủ bái ở nước Việt Nam được đặt thành tục lệ từ đời Vua Lý Anh Tông (1138 - 1175) nhà Vua dựng đàn Viên Khâu phía nam thành Thăng Long để Tế Trời Đất. Đến đời Lê Thái Tổ (1428 - 1433) Lễ Tế Trời trong ở đàn Nam Giao được cử hành vào đầu mùa xuân hàng năm. Lễ Tế Trời trong các triều đại phong kiến được tổ chức rất long trọng, nhà Vua phải thành tâm ăn chay tịnh tâm trong hai ngày để cử hành Đại Lễ.

Theo những liên hệ về lịch sử và văn hóa dân tộc cho chúng ta thấy rằng việc Đạo Cao Đài đưa Lễ Vía Trời trong giờ Tý ngày mùng 9 tháng Giêng hàng năm vào nghi lễ của Đạo và truyền bá rộng rãi trong quảng đại quần chúng tín đồ để thực hành rất phù hợp với truyền thống văn hóa lâu đời của con người Việt Nam. Sự chọn lựa ấy hoàn toàn có căn bản trong tư tưởng của triết lý huyền vi đạo học sâu sắc.

Việc chọn ngày Lễ Vía Trời vào mùa Xuân ứng với phương Đông là mặt trời mọc hàm ý rằng Thượng Đế là nguồn sáng của đạo pháp cứu độ thế gian (Ánh thái dương rọi trước phương Đông).

Khi hành Lễ Vía Trời vào ngày mùng 9 tháng Giêng hàng năm, người tín đồ Đạo Cao Đài đã nhắc bản thân mình gắng Lập Ngôn và tu hành, hãy cố gắng học Đạo cho thông suốt, rồi đem Đạo Lý ấy của Thầy ra tích cực công cuộc phổ độ.

Mùa Xuân cũng là mùa cỏ cây đâm chồi nảy lộc, vạn vật tràn trề sức sống. Chọn ngày Vía Trời vào mùa Xuân cũng hàm ý Thượng đế là nguồn sống, là đức hiếu sinh đã sinh

thành và nuôi dưỡng vạn vật. Vì vậy, khi hành Lễ Vía Trời vào ngày mùng 9 tháng Giêng, một lần nữa người tín đồ Đạo Cao Đài phải luôn nhắc nhở mình hãy học và hành theo đức hiếu sinh của Thượng đế.

Đặc biệt, hành Lễ Vía Trời vào ngày mùng 9 tháng Giêng, người Đạo Cao Đài cũng tự nhắc nhở mình hãy học và hành theo luật Yêu Thương của Đấng Thượng Đế, Đấng Chí Tôn. Chỉ có tình thương mới là lễ phẩm xứng đáng nhất để dâng lên Đức Chí Tôn.

Ngoài ra, việc chọn ngày Lễ Vía Trời vào mùa Xuân người tín đồ Cao Đài còn quan niệm rằng mùa Xuân ứng với Đức Nguyên có ý nghĩa Thượng Đế là Đấng tạo lập Càn Khôn Vũ Trụ, chở che và bảo tồn vạn vật. Tháng Giêng ứng với con người có ý nghĩa Thượng Đế và con người có tương quan hay “thuận Nhân ắt thuận Thiên” theo ý Đạo là “Thiên Nhân Hiệp Nhất”.

Đạo Cao Đài chọn ngày mùng 9 tháng Giêng làm Lễ Tế Trời nhằm mục đích là cầu tu học đạt chứng Lý Tam Tài (Thiên Địa Nhân) hay Tam Bửu (Tinh Khi Thần), cảm thông sâu xa sự thông hội giữa Trời Đất và Người và vạn vật trong một bản thể duy nhất trong Đạo như Đức Chí Tôn dạy “các Con là Một”.

Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn mùng 9 tháng Giêng vào mùa Xuân hàng năm, chúng ta có thể cảm nhận được ở người tín đồ Đạo Cao Đài có một niềm tin sâu sắc vào Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ngự ở ngoài thế giới hữu vi của con người.

Ngày Vía Đức Chí Tôn là ngày hạnh phúc lớn của đại gia đình nhà Đạo, không phân biệt sang hèn, màu Đạo sắc tộc, mọi tín hữu khắp mọi nơi, trên mọi nẻo đường, hướng về Tòa Thánh mừng lễ Đấng Chí Tôn là Đấng Cha Lành. Người Đạo Cao Đài luôn luôn tâm niệm và thực hành lời Đức Đại Từ Phụ dạy: Tất cả nhơn loại là con một Cha. Tất cả mọi tôn giáo có cùng một gốc. Các Đấng Giáo Chủ của các Tôn Giáo đều do Đức Chí Tôn phân tánh giáng sanh nên chịu dưới quyền điều khiển của Ngài.

Người tín đồ nào cũng thuộc câu: “Cùng nhau một Đạo tức một cha”. Thế nên, họ không kỳ thị tôn giáo và không kỳ thị chủng tộc, coi tất cả mọi sắc tộc trên thế giới dù khác màu da sắc tóc, ngôn ngữ hoặc chánh kiến đều cùng chung huyết mạch.

2. Tại Sao Đạo Cao Đài Chọn Ngày 9 Tháng Giêng Lễ Vía Đức Chí Tôn?

1. Nếu hiểu một cách giản đơn thì Lễ Vía Trời hay Lễ Vía Đức Chí Tôn phải chọn vào đầu Xuân tức tháng Giêng âm lịch thôi. Nhưng nếu muốn hiểu cho sâu sắc hơn thì theo lịch đời vua Vũ nhà Hạ, tháng Giêng âm lịch còn được gọi là tháng Dần. Trong Đạo Cao Đài Ôn Trên có dạy rằng: “Thiên khai ư Tý, Địa khai ư Sửu, Nhân sinh ư Dần”. Vía Trời chọn vào tháng Dần tức là tháng của con người ngụ ý rằng: Trời người hiệp nhứt để

hoàng khai đạo Trời, hay cũng có thể hiểu rằng: tôn kính Trời vào tháng Dần tức tháng của con người có nghĩa rằng: học đạo Trời, tôn kính Trời là phải phục vụ nhân sanh, hành Đạo theo luật Yêu Thương mà Đức Chí Tôn dạy.

Theo tục lệ, mừng 7 hạ nêu để chấm dứt Tết Nguyên Đán thì nhân sanh mở ngay ngày Tết Khai hạ. Theo Dịch lý, ngày mừng 7 ứng vào “con ngựa” trong Thập Nhị Chi, ngày mừng 8 ứng vào lúa, ngày mừng 9 ứng vào Trời. Cho nên lấy ngày 9 tháng Giêng làm lễ Vía Trời là ngày Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn.

2. Chúng ta cũng cũng có thể giải thích theo Dịch Lý Cao Đài như sau:

Trên hai bàn tay có 10 ngón tay, Thánh nhân chia thành hai loại là số Âm và số Dương.

Theo Dịch Lý Cao Đài, những con số chẵn như 2, 4, 6, 8, 10 được gọi là số Âm, hay số Ngẫu hay Địa số. Những con số lẻ như 1, 3, 5, 7, 9 được gọi là số Dương hay số Cơ hay Thiên số. Số 5 là gốc (Ngũ Trung ở trong Bát Quái), số 10 làm số con, 4 số kia là số sinh (1, 2, 3 và 4), ở 4 hướng xung quanh.

Nếu lấy 5 cộng lần lượt với 1, 2, 3, 4 chúng ta sẽ có 6, 7, 8, 9.

Bốn số 6, 7, 8, 9 được gọi là số thành. Số 9 là số thành lớn nhất lại là số Dương, vì thế Dịch gọi số 9 là số Lão Dương, cực mạnh, sáng soi khắp cùng vũ trụ. Số này được coi là số hoàn hảo nhất, được dùng để chỉ ngôi cao tột bậc, người thế gian gọi là vua Đấng Cửu Trùng hay Đấng Thượng Đế.

Theo Kinh Dịch, số 9 là số huyền diệu nhiệm màu hơn hết. Số 9 là cơ chuyển biến đến mức độ tận thiện, tận mỹ, toàn tri, toàn năng. Số 9 bằng 3x3 là số Tham Thiên hằng số, tức là cấp bậc Tam ngôi biến hóa, vận hành suốt thông trời đất. Đến số 9 là đến chỗ tột cùng vận động để hợp về cơ qui nhất. Cùng cực cái động tức nhiên phải trở về trạng thái tĩnh nguyên thủy.

Số 3 là cơ quan hữu tướng cùng vô tướng hiện có ở trong Càn Khôn Vũ Trụ. Số 3 cũng nằm trong qui luật: Tý, Sửu, Dần, đứng đầu trong Thập Nhị Địa Chi (12 Chi).

Ở Hy Lạp, nhà toán học kiêm triết gia Pythagore cũng công nhận: “Chín (9) là số hoàn hảo, là bình phương của ba (3), tam hợp hài hòa trọn vẹn”.

Thế thì qua cách dạy trong Dịch Lý Cao Đài, chúng ta có thể hiểu rằng chọn ngày mừng 9 là vì số 9 là số Lão Dương lại là số huyền vi bí diệu, có thể biểu tượng cho ngôi Thượng Đế, Chúa Tể muôn loài vạn vật, thì chính là Đức Chí Tôn, chưởng quản Càn Khôn Vũ Trụ.

Số 1 là số đầu tiên sau số 0, tức là cái nguồn sanh hoạt trước nhất để biến vi hữu tướng có ở Càn Khôn Vũ Trụ. Số 1 chỉ về Thái Cực tức Dương, người mang số này có tánh chuyên nhất và cầm quyền vi chủ. Số 1 là số động, nó vốn là lý Thái Cực suy ra nên nó huyền diệu, nhiệm màu, hiện biến nên Đạo gia nói “Thiên đắc nhưt linh, địa đắc nhưt minh, nhơn đắc nhưt thành” là vậy. Ngôi số 1 thuộc về ngôi Phật (Phật Pháp Tăng) chủ quyền cai trị và giáo hóa vạn linh, chính là Đức Chí Tôn.

Hai con số Khảm 1 và Ly 9 nằm trên trục Bắc Nam tức nhiên là cái dụng của Dịch Lý, 1 là Thái Dương và 9 là Lão Dương. Thế nên hai con số 9 và 1 này đều là số Dương cả để chỉ vào quyền uy tối thượng là Thượng Đế, Ngài là Đấng tự hữu, hằng hữu; tức là không sanh cũng không diệt. Do đó Đạo Cao Đài chọn ngày Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn là ngày 9 tháng Giêng, thuần Dương là vậy.

Trong Thánh Ngôn, Đức Chí Tôn có dạy:

“ Khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế Giới, Khí Hư Vô sinh có một Thầy và ngôi Thầy là ngôi Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn Khôn Thế Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là khoáng sản, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, loài người ...”

Qua đoạn Thánh giáo trên chúng ta hiểu rằng: Từ ngôi Thái Cực của Thượng Đế biến hóa ra chín (số 9) Tầng Trời gọi là Cửu Trùng Thiên, chín Đấng Cửu Thiên Khai Hóa, mỗi vị cai quản một (số 1) Tầng Trời

Vì lý do kể trên mà hằng năm đến mùa Xuân, ngày mùng 9 tháng Giêng, tín đồ Đạo Cao Đài, các dân tộc chịu ảnh hưởng văn hóa Đông phương xem là ngày kỷ niệm Đức Thượng Đế hay Đức Chí Tôn tạo lập Càn Khôn Vũ Trụ là ngày Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn.

Mùa Xuân Tân Sửu, ngày Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn, xin trích gởi đến quý vị bài thi của Đức Chí Tôn trong Thi Văn Dạy Đạo (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển):

Lần lữa ngày tháng cảnh đưa Xuân,
Uóm chồi huỳnh lương tỉnh dậy lần.
Rạng nẻo chung soi đèn Bạch Ngọc,
Dò đường xúm núp bóng Hồng Quân.
Hồi chuông cảnh tỉnh vang rùng Thánh,
Tiếng trống giác mê nhật đỉnh Thần.
Biết Đạo khá lo trau hạnh đức,
Dữ lành đợi buổi cũng cân phân.

V. Tài Liệu Tham Khảo

1. Các tài liệu về “Lễ Tế Trời” đã phát hành trên “internet”. Thành thật cảm ơn các tác giả đã viết các bài rất có giá trị.
2. Tân Luật Pháp Chánh Truyền và Pháp Chánh Truyền Chú Giải (1972)
3. Thánh Ngôn Suu Tập, Quyền I-IV, Nguyễn Văn Hồng.
4. Đại Đạo Sử Cương, Quyền I-IV, Trần Văn Rạng.
5. Đạo Sử, Quyền I và II, Hương Hiếu.
6. Lời Thuyết Đạo Đức Hộ Pháp Quyền I-VI
7. Đại Đạo Căn Nguyên, Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu.
8. Dịch Lý Cao Đài, Nguyễn Thủy (2009)
9. Đức Chí Tôn - Huyền Khung Cao Thượng Đế, QS Nguyễn Thanh Bình (2021)

Trân Trọng,

Mùa Xuân Tân Sửu
Midland MI USA, ngày 14-02-2021
Quốc Sĩ Nguyễn Thanh Bình
Ban Thế Đạo
ĐĐTKPĐ/TTTN